

Số: 1162/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp chứng chỉ kỹ năng xã hội
(theo quy định chuẩn đầu ra)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường đại học;

Căn cứ Thông tư 19/2015/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của lãnh đạo Trung tâm Đào tạo kỹ năng xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng chỉ kỹ năng xã hội cho 481 sinh viên (danh sách kèm theo) đã hoàn thành đủ 5 tín chỉ.

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Hành chánh, Trung tâm Đào tạo kỹ năng xã hội, các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HT, các PHT;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, TT

K, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS-TS. Lê Tuấn Anh

DANH SÁCH

Học viên được công nhận cấp chứng chỉ Kỹ năng xã hội
(Kèm theo quyết định số: 1162/QĐ-ĐHTDM ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Chú thích

01. KN Học tập bậc đại học: KN01 (bắt buộc với khóa
02. KN Giao Tiếp Thành Công Nơi Công Sở: KN02
03. KN Tổ Chức Sự Kiện : KN03
04. KN Giải Quyết Vấn Đề Và Ra Quyết Định: KN04
05. KN Thuyết Trình, Trình Bày: KN05

06. KN Làm Việc Nhóm Hiệu Suất Cao: KN06
07. KN Đặt Mục Tiêu, Lập Kế Hoạch, Quản Lý Thời Gian: KN07
08. KN Khám Phá Và Phát Triển Bản Thân: KN08
09. KN Xây Dựng Hình Ảnh và Tác Phong Chuyên Nghiệp: KN09
10. KN Tìm Việc, Viết CV Và Trả Lời Phỏng Vấn: KN10

Trong đó

Loại Xuất sắc có 85 học viên, chiếm 17,7% trên tổng số.

Loại Giỏi có 345 học viên, chiếm 71,7% trên tổng số.

Loại Khá có 51 học viên, chiếm 10,6% trên tổng số.

Loại Trung bình khá có 0 học viên, chiếm 0,0% trên tổng số.

Loại Trung bình có 0 học viên, chiếm 0,0% trên tổng số.

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã lớp	Kỹ năng					ĐTB	Xếp loại
1	1524403010120	Trịnh Gia Ái	Nữ	14/7/1997	Bình Dương	D15MT03	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN03: 8,5	KN08: 9,5	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
2	1521401010029	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	27/8/1995	Bình Dương	D15GD01	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN04: 9,0	KN06: 7,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
3	1521402010035	Ngô Thị Thúy An	Nữ	11/1/1997	Bình Dương	D15MN01	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
4	1523401010096	Nguyễn Thị Hoài An	Nữ	13/9/1997	Bình Dương	D15QT02	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
5	1524401120011	Nguyễn Thái An	Nam	13/4/1994	Bình Dương	D15HH01	KN01: 6,5	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN07: 6,0	KN08: 10,0	8,0	Giỏi
6	1622202010002	Lê Thị An	Nữ	27/12/1998	Thanh Hóa	D16AV01	KN02: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
7	1521402020244	Trần Thị Kim Anh	Nữ	18/3/1997	Bình Dương	D15TH05	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
8	1525106010080	Nguyễn Hoàng Kỳ Anh	Nữ	4/8/1997	Quảng Ngãi	D15QC02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 5,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	7,5	Khá
9	1525202010061	Trần Tuấn Anh	Nam	1/1/1997	Thái Nguyên	D15DT02	KN01: 10,0	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
10	1621402020004	Đinh Trịnh Hoàng Anh	Nữ	30/7/1998	Kiên Giang	D16TH01	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
11	1621402020010	Trần Thị Thúy Anh	Nữ	1/8/1998	Bình Thuận.	D16TH01	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
12	1623401010005	Nguyễn Thị Anh	Nữ	12/5/1998	Lâm Đồng	D16QT01	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
13	1625802080139	Lê Thế Anh	Nam	8/8/1997	Thanh Hóa	D16XD02	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 6,5	8,0	Giỏi
14	1823102050058	Trần Thị Minh Anh	Nữ	25/10/2000	Bình Dương	D18QN01	KN01: 9,0	KN02: 6,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,5	Giỏi

15	1524401120173	Nguyễn Doãn Ánh	Nam	19/5/1996	Bình Dương	D15HH04	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
16	1623401010009	Trương Thị Ngọc Ánh	Nữ	15/7/1998	Bình Dương	D16QT01	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
17	1623403010008	Mai Hồng Ánh	Nữ	11/10/1998	Bình Dương	D16KT01	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
18	1822202040083	Võ Thị Ngọc Ánh	Nữ	7/9/1999	Daklak	D18TQ02	KN01: 10,0	KN07: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
19	1622202010022	Trần Hoàng Ân	Nam	2/3/1997	Cần Thơ	D16AV01	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
20	1524801030047	Trần Quốc Bảo	Nam	12/6/1997	Bình Phước	D15PM02	KN01: 7,5	KN02: 6,5	KN05: 9,5	KN06: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
21	1621402180009	Mai Thị Bình	Nữ	2/9/1998	Ninh Thuận	D16LS01	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
22	1624401120008	Lê Thanh Bình	Nữ	26/9/1998	Long An	D16HH01	KN01: 9,5	KN02: 6,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
23	1828501030065	Nguyễn Thị Thanh Bình	Nữ	9/5/2000	Bình Dương	D18DD01	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,0	8,0	Giỏi
24	1523801010113	Lê Văn Can	Nam	31/8/1997	Bình Thuận	D15LU03	KN01: 6,5	KN02: 7,0	KN07: 10,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
25	1822202040336	Hồ Nhì Cẩm	Nữ	20/2/2000	Bình Thuận	D18TQ06	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
26	1524801040128	Nguyễn Văn Công	Nam	25/11/1997	Bình Phước	D15HT02	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
27	1623801010034	Nguyễn Kim Chí Công	Nam	22/1/1998	Bình Phước	D16LU01	KN02: 7,5	KN07: 9,0	KN08: 6,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
28	1623801010452	Hồ Bá Công	Nam	15/10/1996	Nghệ An	D16LU04	KN02: 9,5	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
29	1521402180106	Nguyễn Nhựt Cường	Nam	25/2/1997	Bến Tre	D15LS03	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
30	1524403010133	Lê Tiến Cường	Nam	2/2/1997	Sông Bé	D15MT03	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 9,5	8,5	Giỏi
31	1524801040012	Trần Đăng Cường	Nam	15/5/1996	Thanh Hóa	D15HT01	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN07: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
32	1525202010009	Lê Nguyễn Quốc Cường	Nam	8/6/1997	Đồng Nai	D15DT01	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN07: 9,0	KN09: 10,0	8,5	Giỏi
33	1625202010026	Trần Gia Cường	Nam	16/7/1998	Tây Ninh	D16DT01	KN02: 7,5	KN07: 6,5	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
34	1625801020010	Huỳnh Cường	Nam	2/7/1998	Nha Trang	D16KTR01	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 6,5	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
35	1522202040065	Nguyễn Thị Bích Châu	Nữ	27/10/1997	Đồng Nai	D15TQ02	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 8,0	KN09: 7,0	8,0	Giỏi
36	1523801010078	Đào Kim Chi	Nữ	29/5/1997	Bình Dương	D15LU02	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
37	1623402010009	Lê Thị Thu Chi	Nữ	24/12/1997	Daklak	D16TC01	KN02: 7,0	KN06: 10,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
38	1524401120028	Trương Minh Chiến	Nam	7/6/1997	Bình Dương	D15HH01	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN06: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
39	1523401010074	Nguyễn Minh Chưng	Nam	28/7/1997	Bình Dương	D15QT02	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
40	1624401120017	Trần Thị Ngọc Diễm	Nữ	20/3/1998	Bình Dương	D16HH01	KN02: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
41	1524801040083	Lê Ngọc Diệp	Nữ	18/9/1997	Bình Dương	D15HT02	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
42	1523401010137	Trần Thị Mỹ Dung	Nữ	9/10/1997	Bình Dương	D15QT03	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN07: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
43	1528501010005	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nữ	15/9/1997	Bình Dương	D15QM01	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
44	1621402010023	Nguyễn Thị Thuý Dung	Nữ	11/8/1998	Bình Dương	D16MN01	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN06: 7,5	KN08: 7,5	KN10: 6,0	7,5	Khá
45	1821402020012	Vũ Ngọc Xuân Dung	Nữ	2/7/2000	Lâm Đồng	D18TH01	KN01: 8,5	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
46	1824401120032	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Nữ	30/8/2000		D18HH01	KN01: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 6,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
47	1625106010020	Nguyễn Tấn Dũng	Nam	7/11/1998	Tp. HCM	D16QC01	KN02: 7,0	KN06: 6,0	KN07: 7,0	KN08: 6,0	KN10: 10,0	7,0	Khá
48	1521402170167	Nguyễn Bá Duy	Nam	29/1/1997	Bình Dương	D15NV04	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
49	1525106010059	Vương Nguyễn Hoàng Duy	Nam	9/10/1997	Bình Dương	D15QC02	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN04: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	7,5	Khá

50	1623801010539	Hồ Nguyễn Khương Duy	Nam	13/1/1998	Ninh Thuận	D16LU04	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
51	1823102010004	Võ Phương Duy	Nam	8/1/2000	Bình Phước	D18CT01	KN01: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
52	1421402180071	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	26/10/1996	Bình Dương	D14LS01	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
53	1523402010087	Bùi Thị Tú Duyên	Nữ	20/10/1997	Tp. HCM	D15TC02	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN07: 7,5	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
54	1621402180016	Thành Thị Mỹ Duyên	Nữ	22/9/1997	Ninh Thuận	D16LS01	KN02: 9,0	KN04: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 7,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
55	1625106010024	Nguyễn Thị Yến Duyên	Nữ	27/3/1998	Bình Dương	D16QC01	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
56	1823401010289	Lê Huỳnh Mỹ Duyên	Nữ	25/2/2000		D18QT05	KN01: 7,5	KN07: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
57	1823401010290	Võ Hồng Duyên	Nữ	8/9/2000	Bình Dương	D18QT05	KN01: 7,5	KN07: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
58	1823401010551	Đỗ Thị Mỹ Duyên	Nữ	28/7/2000	Tây Ninh	D18QT09	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
59	1623401010044	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	10/1/1998	Bình Phước	D16QT01	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
60	1623403010039	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	7/7/1997	Đồng Nai	D16KT01	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
61	1624401020007	Huỳnh Thị Trùng Dương	Nữ	23/3/1998	Bình Dương	D16VL01	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
62	1625801020020	Lê Văn Dương	Nam	7/7/1998	Thanh Hóa	D16KTR01	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
63	1628501010021	Mai Thụy Thùy Dương	Nữ	16/1/1998	Đồng Nai	D16QM01	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
64	1822202010342	Võ Thùy Dương	Nữ	25/8/2000	Bình Dương	D18AV06	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 8,0	9,0	Xuất sắc
65	1823402010142	Trần Tuyết Dương	Nữ	5/7/2000		D18TC02	KN01: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
66	1825106010129	Phạm Thị Thùy Dương	Nữ	12/6/2000	Đồng Tháp	D18QC02	KN01: 7,0	KN05: 8,5	KN06: 7,0	KN07: 10,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
67	1521401010040	Đoàn Thị Anh Đào	Nữ	2/12/1997	Bình Dương	D15GD01	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
68	1823401010294	Trịnh Thị Trúc Đào	Nữ	29/4/2000		D18QT05	KN01: 9,0	KN07: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	9,0	Xuất sắc
69	1525106010103	Phạm Thành Đạt	Nam	22/12/1997		D15QC02	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 7,0	KN07: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
70	1624801040010	Nguyễn Bá Đạt	Nam	15/6/1998	Quảng Ngãi	D16HT01	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
71	1828501030041	Liêu Tấn Đạt	Nam	8/7/2000	Bình Dương	D18DD01	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
72	1528501010103	Nguyễn Ngọc Định	Nam	25/8/1997	Nghệ An	D15QM03	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 7,0	KN06: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
73	1624403010012	Trần Phước Đông	Nam	1/2/1997	Cần Thơ	D16MT01	KN02: 8,5	KN05: 9,5	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
74	1523402010193	Nguyễn Hữu Minh Đức	Nam	18/9/1996	Nghệ An	D15TC04	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN03: 9,5	KN06: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
75	1528501010152	Nguyễn Hà Đức	Nam	18/7/1995	Tp.HCM	D15QM04	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN07: 9,0	KN09: 6,5	7,5	Khá
76	1628501010025	Lê Huỳnh Đức	Nam	12/9/1998	Bình Dương	D16QM01	KN02: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 6,0	KN08: 10,0	KN10: 5,5	7,5	Khá
77	1621402170015	Nguyễn Đặng Hương Giang	Nữ	5/4/1998	Bình Dương	D16NV01	KN02: 7,5	KN05: 7,5	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
78	1623402010017	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	22/5/1998	Quảng Bình	D16TC01	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
79	1521402170001	Trần Văn Giáp	Nam	24/12/1995	Hà Tĩnh	D15NV01	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
80	1523401010052	Võ Thị Ngọc Giàu	Nữ	16/10/1997	Bình Dương	D15QT02	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
81	1521402170083	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	17/1/1997	Bình Phước	D15NV02	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
82	1523801010191	Thái Thị Hà	Nữ	1/8/1997	Hà Tĩnh	D15LU03	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
83	1525202010134	Nguyễn Minh Hà	Nam	2/11/1997	Bình Định	D15DT03	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
84	1528501010134	Đinh Thị Thu Hà	Nữ	8/1/1997	Bình Dương	D15QM03	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi

85	1623801010086	Trần Thị Thu Hà	Nữ	30/4/1996	Gia Lai	D16LU02	KN02: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 9,5	KN09: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
86	1521402170079	Ngô Đăng Hải	Nam	17/1/1996	Đắk Lắk	D15NV02	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN05: 9,5	KN06: 9,0	KN07: 10,0	8,5	Giỏi
87	1623401010059	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	15/7/1998	Bình Dương	D16QT02	KN02: 7,5	KN07: 6,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
88	1623401010060	Trần Văn Hải	Nam	9/5/1998	Hải Dương	D16QT02	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
89	1625801020093	Cao Hải	Nam	1/10/1998	Thừa Thiên - Huế	D16KTR02	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 9,5	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
90	1521402020177	Phan Thị Ngọc Hạnh	Nữ	21/7/1997	Bình Phước	D15TH04	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
91	1523801010216	Tạ Thị Phương Hoài Hạnh	Nữ	29/8/1997	Bình Thuận	D15LU04	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN09: 7,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
92	1527601010076	Nguyễn Hoàng Ngọc Hạnh	Nữ	10/7/1997	Bình Dương	D15XH02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
93	1621402170019	Nông Thị Hạnh	Nữ	10/8/1998	Lâm Đồng	D16NV01	KN02: 6,0	KN07: 10,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
94	1623402010025	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	18/9/1998	Bắc Giang	D16TC01	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
95	1625106010036	Nguyễn Ngọc Hạnh	Nữ	28/5/1998	Bình Dương	D16QC01	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
96	1521402180030	Trần Thanh Hào	Nam	13/3/1996	Tây Ninh	D15LS01	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
97	1625202010069	Hà Anh Hào	Nam	15/5/1998	Bình Dương	D16DT01	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
98	1828501030050	Phạm Nhật Hào	Nam	9/4/2000	Bình Phước	D18DD01	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
99	1621402010039	Võ Thị Thanh Hào	Nữ	2/2/1998	Quảng Ngãi	D16MN01	KN02: 6,5	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
100	1523801010144	Hồ Thị Hằng	Nữ	13/11/1997	Bình Phước	D15LU03	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
101	1624401120028	Nguyễn Thị Kim Hằng	Nữ	26/3/1998	Tp. HCM	D16HH01	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN07: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
102	1521402170172	Nguyễn Thị Mỹ Hân	Nữ	20/12/1997	Bình Dương	D15NV04	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
103	1521402180003	Lê Vũ Ngọc Hậu	Nam	1/1/1997	Bình Dương	D15LS01	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN05: 10,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
104	1528501010036	Lê Phước Hậu	Nam	31/12/1997	Bình Dương	D15QM01	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 5,5	7,5	Khá
105	1623401010395	Mai Trung Hậu	Nam	4/12/1997	Daklak	D16QT02	KN02: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
106	1623801010104	Ngô Công Hậu	Nam	2/8/1995	Bình Dương	D16LU02	KN02: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
107	1625106010187	Nguyễn Lê Trung Hậu	Nữ	19/12/1998	Bình Dương	D16QC02	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
108	1623403010068	Lê Thị Hiền	Nữ	9/12/1998	Thanh Hóa	D16KT01	KN01: 10,0	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 5,5	8,0	Giỏi
109	1523402010168	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	22/10/1997	Bình Dương	D15TC04	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
110	1621402010045	Bùi Thị Thu Hiền	Nữ	23/10/1997	Bình Phước	D16MN03	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 6,5	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
111	1523403010184	Lê Nguyễn Hòa Hiệp	Nam	20/1/1997	Bình Dương	D15KT04	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN07: 5,0	KN08: 7,5	KN10: 7,5	7,0	Khá
112	1624801040019	Nguyễn Văn Hiệp	Nam	3/4/1998	Bình Dương	D16HT01	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
113	1521402170097	Lê Trung Hiếu	Nam	24/10/1997	Hồ Chí Minh	D15NV03	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
114	1521402180066	Trần Minh Hiếu	Nam	3/2/1997	Bình Định	D15LS02	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN04: 7,5	KN07: 7,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
115	1524801030065	Hồ Minh Hiếu	Nam	25/2/1997		D15PM02	KN01: 10,0	KN02: 7,0	KN06: 9,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
116	1524801040124	Cù Huy Hiếu	Nam	12/7/1997	Hà Tĩnh	D15HT02	KN01: 7,0	KN02: 6,5	KN06: 6,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	7,0	Khá
117	1621402010051	Dương Thị Bích Hiếu	Nữ	29/10/1998	Bình Định	D16MN01	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
118	1823403010020	Chu Đình Hiếu	Nam	24/4/2000	Thanh Hóa	D18KT01	KN01: 8,0	KN05: 7,0	KN07: 5,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
119	1524801040109	Võ Huỳnh Hoa	Nữ	8/6/1997	An Giang	D15HT02	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi

120	1623801010116	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	5/5/1998	Bình Phước	D16LU02	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
121	1623801010118	Vũ Thị Hoa	Nữ	20/7/1998	Đaklak	D16LU02	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
122	1828501030024	Lê Thị Kim Hoa	Nữ	10/10/2000	Bình Dương	D18DD01	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 7,0	8,0	Giỏi
123	1525202010017	Nguyễn Trung Hoà	Nam	6/8/1997	Bình Dương	D15DT01	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN06: 7,5	KN07: 9,5	KN09: 10,0	9,0	Xuất sắc
124	1521402170170	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	8/8/1997	Hà Tĩnh	D15NV04	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
125	1523402010109	Nguyễn Đặng Văn Hòa	Nữ	16/8/1997	Bình Dương	D15TC03	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
126	1523801010008	Phạm Thị Kim Hòa	Nữ	1/12/1997	Bình Thuận	D15LU01	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
127	1523801010210	Nguyễn Thanh Hòa	Nam	1/11/1997	Kon Tum	D15LU04	KN01: 9,5	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN06: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
128	1628501010035	Lê Duy Hòa	Nam	23/3/1998	Tp.Hcm	D16QM01	KN02: 6,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 7,0	7,5	Khá
129	1624401120040	Nguyễn Thị Phương Hoài	Nữ	23/5/1998	Bình Dương	D16HH01	KN01: 9,5	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
130	1828501030026	Võ Minh Hoàng	Nam	13/2/2000	Bình Dương	D18DD01	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
131	1523402010064	Nguyễn Ánh Hồng	Nữ	13/10/1997	Bình Dương	D15TC02	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN07: 7,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
132	1623401010082	Lưu Thị Hồng	Nữ	29/4/1997	Dak Nong	D16QT02	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 7,5	KN09: 7,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
133	1524401120107	Nguyễn Văn Huân	Nam	26/4/1997	Hà Nội	D15HH03	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN07: 6,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
134	1623401010359	Lê Ngọc Huân	Nam	28/9/1998	Phú Yên	D16QT02	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
135	1521402170096	Phùng Thị Huệ	Nữ	10/4/1997	Hà Nội	D15NV03	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN06: 9,5	KN08: 8,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
136	1524801040056	Nguyễn Phát Huy	Nam	16/10/1997	Bình Phước	D15HT02	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN07: 10,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
137	1821402010058	Trần Thị Bích Huyền	Nữ	12/7/2000	Bình Dương	D18MN01	KN01: 6,0	KN02: 8,5	KN07: 9,0	KN08: 9,5	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
138	1523801010077	Châu Thị Trúc Huỳnh	Nữ	28/4/1997	Đồng Tháp	D15LU02	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
139	1521402020242	Cao Ngọc Hưng	Nam	13/4/1997	Quảng Bình	D15TH05	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 10,0	8,5	Giỏi
140	1523801010244	Lê Trần Thanh Hưng	Nam	18/9/1997	Bình Phước	D15LU04	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN07: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
141	1625106010050	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	28/4/1997	Tp. Hồ Chí Minh	D16QC01	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
142	1823402010084	Lê Thị Kim Hường	Nữ	20/7/2000	Bình Dương	D18TC02	KN01: 8,5	KN07: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
143	1822202040318	Trần Thị Khả	Nữ	18	Tây Ninh	D18TQ05	KN01: 9,0	KN02: 6,0	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
144	1524403010092	Nguyễn An Khang	Nam	13/9/1997	Bình Dương	D15MT02	KN01: 7,5	KN02: 5,0	KN05: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
145	1623801010165	Nguyễn Tấn Khang	Nam	28/12/1998	Bình Phước	D16LU03	KN02: 7,0	KN05: 8,5	KN08: 7,5	KN09: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
146	1623801010166	Phan Hoàng Khang	Nam	28/2/1998	Bình Dương	D16LU03	KN02: 6,5	KN07: 6,0	KN08: 9,5	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
147	1625202010114	Huỳnh Duy Khang	Nam	22/11/1998	Vĩnh Long	D16DT02	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
148	1823401010406	Trương Thị Vân Khanh	Nữ	14/2/2000	Bình Dương	D18QT07	KN01: 8,5	KN05: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
149	1625106010054	Nguyễn Duy Khánh	Nam	28/5/1998	Bình Dương	D16QC01	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
150	1525202010070	Trần Ngọc Khoa	Nam	22/7/1997	Tp. Hcm	D15DT02	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 9,5	7,5	Khá
151	1528501010039	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	30/12/1997	Bình Dương	D15QM01	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 8,5	7,5	Khá
152	1623402010063	Ngô Vũ Anh Khoa	Nam	12/3/1998	Tp. Hồ Chí Minh	D16TC02	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
153	1523401010103	Nguyễn Hoàng Khôi	Nam	23/8/1997	Bình Dương	D15QT03	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN06: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi

154	1624601010035	Mai Duy Khương	Nam	23/9/1998	Tp.Hcm	D16TO01	KN01: 10,0	KN02: 8,5	KN08: 9,5	KN09: 10,0	KN10: 9,0	9,5	Xuất sắc
155	1825106010084	Trần Thị Thu Lan	Nữ	25/8/2000	Bình Dương	D18QC02	KN01: 8,0	KN06: 6,0	KN07: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
156	1623401010105	Huỳnh Thị Lành	Nữ	1/11/1997	Quảng Ngãi	D16QT02	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
157	1523402010187	Nguyễn Phúc Lâm	Nam	20/3/1997	Bình Dương	D15TC04	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,5	KN06: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
158	1524403010048	Nguyễn Đình Lâm	Nam	9/12/1996	Bình Dương	D15MT01	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN06: 6,5	KN08: 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
159	1525202010030	Nguyễn Thanh Lâm	Nam	6/2/1997	Vũng Tàu	D15DT01	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
160	1525202010066	Nguyễn Thành Lâm	Nam	4/9/1997	Bình Dương	D15DT02	KN01: 7,0	KN02: 6,0	KN03: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,0	7,5	Khá
161	1528501010141	Võ Thành Lâm	Nam	13/3/1997	Bình Dương	D15QM04	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN07: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
162	1623401010107	Trần Thanh Lâm	Nam	18/6/1998	Bình Dương	D16QT04	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
163	1624401020053	Trương Chí Lâm	Nam	19/1/1998	Bình Dương	D16VL01	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
164	1828501010120	Trần Đăng Xuân Lê	Nữ	19/1/2000	Bình Dương	D18QM02	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 7,0	7,5	Khá
165	1828501010156	Trần Thanh Liêm	Nam	26/3/2000		D18QM02	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
166	1623402010070	Nguyễn Thị Thúy Liễu	Nữ	20/8/1998	Bình Phước	D16TC02	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
167	1521402170090	Nguyễn Hoài Linh	Nữ	23/9/1997	Bình Dương	D15NV02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
168	1521402180070	Lê Thiện Ngọc Hoàng Mỹ Linh	Nữ	26/3/1997	Ninh Thuận	D15LS02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
169	1523401010125	Nguyễn Thị Linh	Nữ	23/2/1997	Thanh Hóa	D15QT03	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN04: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
170	1524403010098	Trần Linh	Nam	11/1/1997	Bình Dương	D15MT02	KN01: 10,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
171	1527601010069	Lê Thị Kim Linh	Nữ	18/11/1997	Bình Dương	D15XH02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
172	1528501010003	Lê Hồng Linh	Nữ	25/11/1997	Bình Dương	D15QM01	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
173	1528501010156	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	1/9/1997	Bình Dương	D15QM04	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
174	1528501010158	Trịnh Tiểu Linh	Nữ	26/8/1997	Tp.Hcm	D15QM04	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
175	1621401010022	Cao Thị Trúc Linh	Nữ	26/12/1997	Bình Dương	D16GD01	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
176	1622202010118	Trương Thị Ngọc Linh	Nữ	28/11/1998	Bình Dương	D16AV02	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 9,5	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
177	1623402010071	Cao Thị Thùy Linh	Nữ	18/12/1998	Bình Dương	D16TC02	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN07: 7,5	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
178	1623402010213	Lê Thị Linh	Nữ	20/8/1997	Thanh Hóa	D16TC02	KN02: 8,5	KN03: 10,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
179	1623801010194	Trần Thị Thùy Linh	Nữ	24/10/1998	Bình Phước	D16LU03	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
180	1628501010052	Võ Hoàng Linh	Nam	3/4/1997	Bình Dương	D16QM01	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
181	1821402020013	Nguyễn Thị Bảo Linh	Nữ	13/7/2000		D18TH01	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
182	1825106010095	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	10/12/2000	Bình Dương	D18QC02	KN01: 10,0	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN07: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
183	1825106010128	Trần Thị Tường Linh	Nữ	6/1/2000	Bà Rịa Vũng Tàu	D18QC02	KN01: 8,0	KN06: 7,0	KN07: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
184	1824202030009	Trần Hồng Linh	Nữ	18/9/2000	Bình Dương	D18SH01	KN01: 9,5	KN05: 8,5	KN06: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
185	1521402180097	Lê Thị Kim Loan	Nữ	1/11/1996	Tp.Hcm	D15LS03	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
186	1625106010066	Nguyễn Hồng Loan	Nữ	5/8/1998	Tp. Hồ Chí Minh	D16QC01	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi

187	1628501010054	Nguyễn Thị Loan	Nữ	12/6/1998	Bắc Giang	D16QM01	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
188	1823801010167	Hoàng Thị Loan	Nữ	27/4/2000		D18LU02	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN07: 9,0	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
189	1525202010113	Trần Thanh Long	Nam	12/9/1997	Bình Dương	D15DT03	KN01: 9,5	KN02: 8,0	KN05: 9,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,5	Xuất sắc
190	1525202010068	Phạm Đình Lộc	Nam	25/9/1997	Đồng Nai	D15DT02	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 7,0	KN09: 8,5	7,5	Khá
191	1623102050043	Hoàng Xuân Lộc	Nam	5/11/1991	Daklak	D16QN01	KN02: 7,5	KN05: 9,5	KN08: 9,5	KN09: 8,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
192	1623801010201	Trần Tấn Lộc	Nam	26/3/1998	Bến Tre	D16LU03	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
193	1824401120015	Quan Phương Lộc	Nam	2/1/2000	Bình Dương	D18HH01	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
194	1523402010200	Lê Thành Luân	Nam	2/3/1997	Đồng Nai	D15TC04	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN06: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
195	1525106010061	Nguyễn Tấn Luận	Nam	15/6/1997	Bình Dương	D15QC02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 9,5	KN06: 7,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
196	1625202010138	Phạm Hồng Lực	Nam	20/2/1998	An Giang	D16DT02	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 9,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
197	1623801010434	Bùi Thị Trúc Ly	Nữ	16/6/1998	Daklak	D16LU02	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 6,0	KN08: 9,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
198	1623801010213	Cao Văn My	Nam	4/10/1997	Tây Ninh	D16LU04	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
199	1821402020027	Nguyễn Thị My	Nữ	23/6/2000	Thanh Hóa	D18TH01	KN01: 9,5	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 10,0	KN08: 9,0	9,0	Xuất sắc
200	1823403010287	Trần Phạm Ái My	Nữ	24/5/2000	Bình Dương	D18KT05	KN01: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
201	1523801010169	Lương Thủy Phương Mỹ	Nữ	7/9/1997	Thừa Thiên Huế	D15LU04	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
202	1523401010204	Lê Đức Nam	Nam	2/10/1997	Thanh Hóa	D15QT05	KN01: 10,0	KN02: 7,5	KN06: 6,0	KN07: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
203	1523801010177	Nguyễn Tài Phương Nam	Nam	21/8/1996	Thanh Hóa	D15LU04	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN07: 5,0	KN08: 8,0	KN10: 8,0	7,0	Khá
204	1524401120036	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	21/8/1995	Bình Dương	D15HH01	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
205	1524801030018	Nguyễn Hoài Nam	Nam	12/3/1997	Tiền Giang	D15PM01	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
206	1623801010217	Trần Nhật Nam	Nam	28/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	D16LU04	KN06: 10,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
207	1625801020044	Trần Văn Nam	Nam	6/1/1998	Hà Nội	D16KTR01	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN06: 9,5	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
208	1828501030085	Nguyễn Xuân Nam	Nam	12/4/2000	Tp. Hồ Chí Minh	D18DD01	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	9,0	Xuất sắc
209	1623401010145	Lê Văn Năm	Nam	5/4/1998	Thái Nguyên	D16QT03	KN02: 8,0	KN07: 6,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
210	1521401010013	Phạm Thị Nga	Nữ	8/1/1997	Bình Phước	D15GD01	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
211	1521402010028	Trần Thị Mỹ Nga	Nữ	8/7/1997	Bình Dương	D15MN01	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN05: 6,5	KN08: 9,5	8,0	Giỏi
212	1521402180021	Trương Thị Kim Ngân	Nữ	22/4/1995	Bình Dương	D15LS01	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN05: 6,5	KN08: 10,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
213	1523402010094	Trần Kim Ngân	Nữ	4/1/1997	Bình Dương	D15TC02	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN07: 7,5	KN09: 10,0	8,5	Giỏi
214	1524403010044	Lê Trọng Ngân	Nam	23/9/1997	Bình Dương	D15MT01	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN08: 9,5	8,0	Giỏi
215	1527601010039	Lê Thị Cẩm Ngân	Nữ	26/10/1997	Vĩnh Long	D15XH01	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN06: 7,5	KN08: 9,5	9,0	Xuất sắc
216	1528501010001	Trần Thị Trúc Ngân	Nữ	16/4/1997	Cà Mau	D15QM01	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 7,5	KN06: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
217	1621401010025	Trần Thị Bảo Ngân	Nữ	10/11/1998	Bình Dương	D16GD01	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
218	1623402010208	Nguyễn Thái Ngân	Nữ	2/8/1998	Bình Dương	D16TC02	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
219	1625106010074	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	7/1/1998	Bình Dương	D16QC02	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi

220	1821402020040	Hoàng Kim Ngân	Nữ	16/8/2000		D18TH01	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
221	1823403010290	Đỗ Thị Thanh Ngân	Nữ	7/7/1999	Bình Dương	D18KT05	KN01: 6,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN09: 7,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
222	1524403010020	Lê Trọng Nghĩa	Nam	29/9/1997	Bình Dương	D15MT01	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
223	1621401010026	Trần Trung Nghĩa	Nam	15/3/1998	Tp. Hồ Chí Minh	D16GD01	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
224	1523402010159	Hoàng Phương Ngọc	Nữ	24/6/1997	Daklak	D15TC04	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
225	1527601010108	Phạm Mỹ Ngọc	Nữ	5/9/1996	Bình Dương	D15XH02	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
226	1621402020180	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	29/6/1996	Đaklak	D16TH02	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
227	1622202010147	Trương Mỹ Ngọc	Nữ	6/4/1998	Quảng Ngãi	D16AV03	KN02: 7,0	KN07: 9,0	KN08: 8,5	KN09: 9,5	KN10: 5,0	8,0	Giỏi
228	1623801010232	Đỗ Văn Ngọc	Nam	2/2/1992	Nam Định	D16LU04	KN02: 10,0	KN05: 7,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
229	1823403010098	Vương Thúy Ngọc	Nữ	23/2/2000		D18KT02	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
230	1824401120016	Lê Minh Ngọc	Nữ	7/1/2000		D18HH01	KN01: 7,5	KN02: 9,5	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
231	1521402010158	Nguyễn Thị Ái Nguyên	Nữ	4/1/1997	Bình Định	D15MN03	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN05: 6,0	KN06: 10,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
232	1525202010073	Phan Khắc Hưng Nguyên	Nam	19/12/1995	Tây Ninh	D15DT02	KN01: 8,5	KN02: 6,0	KN03: 10,0	KN06: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
233	1621402170057	Trần Kim Nguyên	Nữ	3/5/1998	Bình Dương	D16NV02	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN07: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
234	1823801010121	Chu Hoàng Thảo Nguyên	Nữ	13/11/2000		D18LU02	KN01: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
235	1623801010236	Trần Lê Nguyễn	Nam	10/4/1998	Cà Mau	D16LU04	KN02: 9,0	KN06: 6,0	KN07: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
236	1523402010062	Nguyễn Thanh Nhân	Nam	28/11/1997	Bình Dương	D15TC02	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN07: 5,5	KN08: 8,5	7,5	Khá
237	1623403010171	Trần Thị Nhạn	Nữ	25/11/1998	Nam Định	D16KT03	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
238	1521401010054	Mai Thành Nhân	Nam	25/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	D15GD01	KN01: 9,0	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
239	1521402020278	Nguyễn Ngọc Nhật	Nam	21/7/1997	Hà Tĩnh	D15TH05	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN04: 10,0	KN05: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
240	1521402170066	Võ Thị Tố Nhi	Nữ	29/9/1994	Bình Dương	D15NV02	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
241	1521402170078	Danh Thị Tuyết Nhi	Nữ	19/9/1997		D15NV02	KN01: 8,5	KN02: 6,0	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	8,0	Giỏi
242	1523402010194	Nguyễn Yến Nhi	Nữ	1/1/1997	Bình Dương	D15TC04	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 9,5	KN08: 8,0	KN09: 9,5	9,0	Xuất sắc
243	1621402020194	Nguyễn Thị Dung Nhi	Nữ	4/9/1997	Bình Dương	D16TH02	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN06: 6,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
244	1623401010171	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	26/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	D16QT04	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
245	1623402010111	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	19/10/1998	Bình Dương	D16TC02	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
246	1623403010183	Võ Hoàng Yến Nhi	Nữ	16/12/1998	Bình Dương	D16KT03	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
247	1624401020025	Nguyễn Thị Thúy Nhi	Nữ	20/5/1998	Bình Định	D16VL01	KN02: 7,0	KN05: 7,5	KN07: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	7,5	Khá
248	1625802080076	Phan Lâm Vân Nhi	Nữ	25/1/1998	Tp. Hồ Chí Minh	D16XD02	KN02: 8,0	KN05: 5,5	KN07: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
249	1824401120036	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	10/1/2000	Đồng Nai	D18HH01	KN01: 9,5	KN05: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 8,0	8,5	Giỏi
250	1828501030044	Lê Thị Thu Nhi	Nữ	30/10/2000	Bình Dương	D18DD01	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN06: 8,5	KN07: 9,0	KN08: 9,5	9,0	Xuất sắc
251	1521402020196	Lê Thị Nhung	Nữ	14/9/1996	Lâm Đồng	D15TH04	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	8,5	Giỏi
252	1523401010230	Lê Thị Quỳnh Nhung	Nữ	3/7/1997	Bình Định	D15QT05	KN01: 6,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,0	7,5	Khá

253	1621402170063	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	11/9/1998	Đắk Lắk	D16NV02	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN08: 8,0	KN09: 7,5	KN10: 8,5	7,5	Khá
254	1622202010156	Lê Thị Nhung	Nữ	2/2/1998	Nghệ An	D16AV03	KN02: 7,0	KN07: 7,0	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
255	1622202010160	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	1/4/1997	Nghệ An	D16AV03	KN02: 7,0	KN07: 6,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
256	1622202040050	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	13/6/1998	Bình Phước	D16TQ02	KN02: 7,5	KN07: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
257	1821402010004	Trương Thị Hồng Nhung	Nữ	6/1/1998		D18MN01	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
258	1823403010480	Ngô Thị Hồng Nhung	Nữ	26/2/2000	Ninh Thuận	D18KT08	KN01: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
259	1823801010117	Trần Thị Nhung	Nữ	9/7/2000		D18LU02	KN01: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
260	1825106010101	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	30/9/2000	Bình Dương	D18QC02	KN01: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
261	1521402010034	Trần Thị Quỳnh Như	Nữ	3/7/1996	Đồng Nai	D15MN01	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN06: 10,0	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
262	1521402170155	Trương Lê Quỳnh Như	Nữ	8/2/1997	Bình Dương	D15NV04	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
263	1521402170159	Lê Thị Quỳnh Như	Nữ	11/3/1997	Ninh Thuận	D15NV04	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
264	1623401010179	Hồ Trọng Quỳnh Như	Nữ	2/1/1998	Bình Dương	D16QT04	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 6,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
265	1623403010192	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	5/7/1998	Bình Dương	D16KT03	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
266	1624801040041	Nguyễn Minh Nhật	Nam	30/1/1998	Bình Dương	D16HT01	KN02: 7,0	KN06: 7,5	KN07: 10,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
267	1825202010075	Vương Minh Nhật	Nam	4/4/2000	Bình Dương	D18DT02	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN07: 10,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
268	1523402010089	Ngô Thị Kiều Oanh	Nữ	2/3/1996	Đồng Nai	D15TC02	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN09: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
269	1523403010181	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	4/9/1997	Thừa Thiên Huế	D15KT04	KN01: 8,5	KN02: 9,0	KN05: 7,5	KN07: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
270	1623401010184	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	23/5/1998	Đồng Nai	D16QT04	KN02: 8,0	KN06: 10,0	KN07: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
271	1823401010231	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	5/4/2000	Bình Dương	D18QT04	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
272	1823801010172	Phạm Nguyễn Nhật Oanh	Nữ	16/8/2000		D18LU02	KN01: 8,0	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN07: 10,0	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
273	1825106010021	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nữ	2/10/2000		D18QC01	KN01: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
274	1623801010258	Phạm Trường Phát	Nam	6/12/1998	Bình Dương	D16LU04	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN07: 6,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
275	1828501010168	Dương Tấn Phát	Nam	16/9/2000	Tây Ninh	D18QM02	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN07: 10,0	KN08: 8,0	9,0	Xuất sắc
276	1828501030083	Văn Thanh Phong	Nam	27/9/2000	Đồng Nai	D18DD01	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN06: 8,5	KN07: 9,0	KN08: 8,0	8,5	Giỏi
277	1525106010093	Nguyễn Trọng Phúc	Nam	3/3/1997	Bình Dương	D15QC02	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN04: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
278	1521402180004	Phạm Đình Phùng	Nam	1/12/1996	Bình Dương	D15LS01	KN01: 6,0	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN08: 8,5	KN10: 8,0	7,5	Khá
279	1521402180007	Lê Hữu Phước	Nam	6/12/1996	Bình Dương	D15LS01	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 10,0	KN08: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
280	1522202010234	Đoàn Văn Phước	Nam	11/12/1997	Bình Dương	D15AV06	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
281	1523403010190	Huỳnh Hữu Phước	Nam	31/7/1997	Bình Dương	D15KT04	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN07: 5,0	KN08: 7,5	7,5	Khá
282	1524801040134	Nguyễn Hồng Phước	Nam	16/7/1996	Tp Hồ Chí Minh	D15HT02	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	7,5	Khá
283	1525202010138	Lê Trà Hồng Phước	Nam	26/12/1997		D15DT03	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
284	1521402010123	Trần Thị Kim Phương	Nữ	20/1/1997	Bình Dương	D15MN03	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 7,5	KN06: 8,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
285	1522202010091	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	17/11/1997	Bình Dương	D15AV03	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN06: 6,5	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
286	1523801010104	Nguyễn Nhã Phương	Nữ	26/4/1996	Bình Phước	D15LU03	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi

287	1623401010194	Đinh Thị Hồng Phương	Nữ	29/8/1998	Bình Dương	D16QT04	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
288	1623403010195	Lê Thị Mỹ Phương	Nữ	26/6/1997	Bình Phước	D16KT03	KN02: 8,0	KN04: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
289	1822202010358	Mai Ngọc Hồng Phương	Nữ	26/12/2000	Bình Dương	D18AV06	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
290	1523801010179	Trương Thị Phương	Nữ	10/1/1997	Quảng Ngãi	D15LU03	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 6,0	7,5	Khá
291	1621402010167	Trần Thị Hồng Phương	Nữ	6/1/1997	Quảng Ngãi	D16MN04	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
292	1624401120181	Đỗ Thị Kim Phương	Nữ	16/10/1998	Tây Ninh	D16HH02	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 7,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
293	1823801010664	Ngô Nguyễn Đăng Phương	Nữ	26/9/2000		D18LU03	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
294	1825106010043	Trần Thị Bích Phương	Nữ	29/3/2000		D18QC01	KN01: 9,0	KN05: 7,5	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
295	1624601010075	Nguyễn Đức Quang	Nam	15/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	D16TO02	KN02: 10,0	KN06: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 5,0	8,0	Giỏi
296	1625802080085	Phan Đăng Quang	Nam	14/4/1998	Bình Định	D16XD02	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
297	1623801010277	Đào Minh Quân	Nam	10/11/1998	Ninh Thuận	D16LU04	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
298	1524801040127	Đỗ Ngọc Quốc	Nam	4/10/1997	Bình Dương	D15HT02	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
299	1621402010169	Trần Ngọc Quý	Nữ		Bình Dương	D16MN04	KN02: 6,5	KN05: 7,0	KN06: 6,0	KN08: 7,5	KN10: 8,0	7,0	Khá
300	1521401010077	Nguyễn Thùy Quyên	Nữ	17/11/1997	Hà Tĩnh	D15GD02	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN04: 9,5	KN05: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
301	1621402170115	Nguyễn Thị Diễm Quyên	Nữ	8/7/1998	Bình Dương	D16NV01	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
302	1521402170140	Đào Diễm Quỳnh	Nữ	17/5/1997	Bình Phước	D15NV04	KN01: 6,5	KN02: 9,5	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN09: 8,0	8,5	Giỏi
303	1521402180088	Phạm Xuân Quỳnh	Nữ	6/2/1997	Bình Thuận	D15LS03	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
304	1527601010116	Trương Thị Thúy Quỳnh	Nữ	4/7/1996	Bình Dương	D15XH02	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN03: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
305	1623403010205	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	Nữ	19/1/1998	Bình Dương	D16KT03	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
306	1628501010085	Phan Thị Ánh Quỳnh	Nữ	27/1/1998	Thừa Thiên - Huế	D16QM02	KN01: 9,5	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
307	1821402010081	Ngô Thị Như Quỳnh	Nữ	27/10/2000	Bình Dương	D18MN02	KN01: 9,0	KN05: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
308	1521402170153	Nguyễn Huỳnh Ngọc Sang	Nam	3/7/1996	Tây Ninh	D15NV04	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 9,5	KN08: 9,0	KN09: 10,0	9,0	Xuất sắc
309	1523801010036	Nguyễn Minh Sang	Nam	8/1/1997	Bình Dương	D15LU01	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN05: 10,0	KN06: 7,0	8,5	Giỏi
310	1624601010080	Lê Quang Sang	Nam	14/1/1998	Bình Dương	D16TO02	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
311	1525106010083	Ngô Đức Sơn	Nam	4/12/1997	Bình Dương	D15QC02	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 6,5	KN07: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
312	1623401010210	Trần Thanh Sơn	Nam	18/6/1998	Bình Dương	D16QT04	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
313	1523401010086	Nguyễn Thị Diễm Sương	Nữ	8/4/1997	Sóc Trăng	D15QT02	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 9,5	KN10: 7,5	8,5	Giỏi
314	1525106010057	Nguyễn Anh Tài	Nam	31/1/1997		D15QC02	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN06: 6,0	KN07: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
315	1525106010100	Nguyễn Tấn Tài	Nam	26/11/1997	Bình Dương	D15QC02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
316	1625801020069	Phùng Minh Tài	Nam	11/4/1998	Bình Dương	D16KTR02	KN02: 8,0	KN05: 6,5	KN06: 6,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
317	1621402010174	Lê Ngọc Thanh Tâm	Nữ	16/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	D16MN04	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
318	1625202010212	Bùi Minh Tâm	Nam	18/1/1998	Bình Dương	D16DT03	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN07: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
319	1625202010214	Nguyễn Văn Tâm	Nam	12/11/1998	Bình Định	D16DT03	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi

320	1522202010233	Phan Trường Tân	Nam	21/3/1997	Bình Dương	D15AV06	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
321	1525802080082	Huỳnh Minh Tân	Nam	28/7/1997	Tp. Hồ Chí Minh	D15XD02	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,5	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
322	1528501010155	Lê Minh Tân	Nam	20/11/1997	Bình Dương	D15QM04	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 9,0	KN09: 6,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
323	1624801040052	Trần Văn Tân	Nam	13/3/1998	Bình Phước	D16HT01	KN02: 7,0	KN05: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
324	1525106010112	Huỳnh Hữu Tấn	Nam	17/9/1997	Bình Dương	D15QC02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
325	1823403010226	Từ Ngọc Thủy Tiên	Nữ	24/4/2000		D18KT04	KN01: 9,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
326	1523801010231	Lương Tiên Tiến	Nam	18/3/1998	Ninh Thuận	D15LU05	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
327	1528501010031	Nguyễn Thanh Tiến	Nam	24/4/1995	Bình Dương	D15QM01	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 7,0	KN10: 9,0	7,5	Khá
328	1623402010143	Phạm Công Tiến	Nam	2/7/1998	Bình Dương	D16TC03	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
329	1624401020033	Nguyễn Minh Tiến	Nam	4/11/1998	Dầu Tiếng	D16VL01	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 7,0	KN08: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
330	1625802080097	Trần Trọng Tiến	Nam	4/1/1998	Bình Dương	D16XD02	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN08: 9,0	KN09: 8,5	KN10: 7,0	8,0	Giỏi
331	1828501010114	Nguyễn Thanh Tiến	Nam	20/3/2000	Bình Dương	D18QM02	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 9,0	KN07: 10,0	KN08: 8,0	9,0	Xuất sắc
332	1625801020073	Trần Văn Tín	Nam	28/2/1998	Hà Tây	D16KTR02	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN06: 9,5	KN08: 7,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
333	1524801040066	Nguyễn Thanh Tín	Nam	13/2/1997	Bình Dương	D15HT02	KN01: 9,5	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
334	1822202040320	Nguyễn Trung Tín	Nam	25/4/2000		D18TQ05	KN01: 6,0	KN05: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 9,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
335	1623403010221	Huỳnh Tấn Toàn	Nam	4/1/1998	Bình Dương	D16KT04	KN02: 7,5	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
336	1523801010152	Huỳnh Cẩm Tú	Nữ	26/4/1996	Bình Phước	D15LU03	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN03: 7,0	KN05: 8,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
337	1524801030066	Hoàng Minh Tú	Nam	27/10/1997	Bình Dương	D15PM02	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
338	1528501010021	Võ Thụy Cẩm Tú	Nữ	31/10/1997	Bình Dương	D15QM01	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
339	1623403010223	Nguyễn Ngọc Tú	Nam	13/2/1998	Phú Yên	D16KT04	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
340	1524801030008	Hoàng Bá Tuấn	Nam	26/3/1997	Bình Dương	D15PM01	KN01: 6,5	KN02: 8,5	KN06: 7,5	KN07: 6,0	KN08: 9,0	7,5	Khá
341	1523801010221	Ngô Minh Tuấn	Nam	10/8/1997	Quảng Bình	D15LU05	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
342	1525106010082	Mai Xuân Tuấn	Nam	12/6/1997	Nghệ An	D15QC02	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
343	1528501010133	Phùng Đức Tuấn	Nam	23/6/1997	Bình Dương	D15QM03	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
344	1623801010448	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	27/5/1998	Bình Dương	D16LU04	KN02: 9,5	KN03: 8,0	KN07: 6,0	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
345	1624401020034	Nguyễn Ngọc Minh Tuấn	Nam	4/9/1997	Dầu Tiếng	D16VL01	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 8,5	KN08: 7,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
346	1625202010238	Trần Hoàng Tuấn	Nam	5/9/1998	Kiên Giang	D16DT03	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 7,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
347	1828501010125	Huỳnh Trọng Tuấn	Nam	7/2/2000	Bình Dương	D18QM02	KN01: 8,5	KN02: 8,5	KN06: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 7,0	8,5	Giỏi
348	1523801010105	Nguyễn Thanh Tuyền	Nữ	8/12/1996	Bình Dương	D15LU03	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 9,0	KN07: 6,0	KN09: 8,5	7,5	Khá
349	1525106010011	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	29/10/1997	Bình Dương	D15QC01	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN04: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
350	1528501010020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	9/11/1997	Bình Dương	D15QM01	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
351	1624601010085	Trần Thị Thanh Tuyền	Nữ	2/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	D16TO02	KN02: 9,0	KN05: 9,5	KN08: 7,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
352	1628501010098	Hoàng Thị Kim Tuyết	Nữ	1/10/1998	Gia Lai	D16QM02	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
353	1823401010468	Huỳnh Thị Bạch Tuyết	Nữ	29/1/2000	Bình Dương	D18QT07	KN01: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 5,5	KN10: 8,0	7,5	Khá

354	1625202010242	Võ Quý Tường	Nam	25/12/1998	Bình Phước	D16DT03	KN01: 10,0	KN02: 6,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
355	1521401010035	Lê Hữu Thái	Nam	27/6/1993	Bình Dương	D15GD01	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN07: 6,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	8,0	Giỏi
356	1523801010049	Đỗ Thành Thái	Nam	7/2/1996	Tây Ninh	D15LU01	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN06: 8,5	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
357	1527601010071	Ngô Huỳnh Thái	Nam	23/8/1996	Tp.Hcm	D15XH02	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN03: 10,0	KN08: 10,0	KN09: 9,5	8,5	Giỏi
358	1625202010248	Phùng Văn Thái	Nam	15/7/1998	Vĩnh Phúc	D16DT03	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 5,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	7,5	Khá
359	1822202010363	Nguyễn Hoàng Thái	Nam	19/7/2000	Bình Dương	D18AV06	KN01: 8,5	KN05: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
360	1623801010325	Nghiêm Thị Thiên Thanh	Nữ	1/1/1998	Bình Phước	D16LU05	KN01: 9,5	KN02: 9,0	KN07: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,5	Xuất sắc
361	1625202010251	Nguyễn Văn Thanh	Nam	23/12/1997	Đồng Nai	D16DT03	KN02: 7,0	KN06: 8,0	KN07: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
362	1625802080110	Ngô Hoài Thanh	Nam	16/12/1997	Bình Dương	D16XD02	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
363	1823403010504	Đặng Nguyễn Phương Thanh	Nữ	30/8/2000	Tây Ninh	D18KT08	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN05: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
364	1624801040060	Nguyễn Tấn Thành	Nam	14/7/1998	Bình Dương	D16HT01	KN02: 8,0	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 9,5	KN10: 8,0	8,5	Giỏi
365	1625202010255	Nguyễn Trần Minh Thành	Nam	23/10/1998	Bình Dương	D16DT03	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN07: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
366	1521401010001	Lê Huỳnh Phương Thảo	Nữ	24/10/1997	Bình Dương	D15GD01	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN07: 6,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
367	1525801050006	Lý Trần Thạch Thảo	Nữ	13/2/1997	Bình Dương	D15QD01	KN01: 8,5	KN02: 6,0	KN03: 7,5	KN08: 10,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
368	1528501010007	Hà Thanh Thảo	Nữ	28/10/1996	Sông Bé	D15QM01	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN06: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
369	1621402020265	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	18/6/1998	Thanh Hóa	D16TH04	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 7,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
370	1623801010331	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	15/1/1998	Kon Tum	D16LU05	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN07: 7,0	KN08: 9,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
371	1823102050094	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	28/8/2000	Bình Dương	D18QN01	KN01: 8,5	KN02: 6,0	KN06: 9,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	8,0	Giỏi
372	1823403010293	Hà Thị Xuân Thảo	Nữ	14/9/2000	Bình Dương	D18KT05	KN01: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
373	1523401010032	Nguyễn Văn Thêm	Nam	3/8/1997	An Giang	D15QT01	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,5	KN06: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
374	1524801040048	Trần Thị Cẩm Thi	Nữ	27/11/1996	Cà Mau	D15HT01	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
375	1524801040052	Phan Đình Thiên	Nam	1/6/1997	Phú Yên	D15HT02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
376	1624403010058	Vũ Đức Thiện	Nam	18/11/1998	Bình Dương	D16MT01	KN02: 8,5	KN05: 6,5	KN07: 7,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
377	1828501030048	Dương Thành Thiện	Nam	2/9/2000	Bình Dương	D18DD01	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	8,5	Giỏi
378	1622202010220	Vũ Thị Thiết	Nữ	27/7/1998	Bình Dương	D16AV04	KN02: 6,5	KN07: 10,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
379	1821402020016	Hoàng Thị Thìn	Nữ	16/2/2000		D18TH01	KN01: 8,5	KN02: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
380	1521402180019	Ngô Thị Cẩm Thịnh	Nữ	14/12/1994	Bình Dương	D15LS01	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN03: 9,5	KN05: 8,0	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
381	1524801030053	Lê Bảo Thịnh	Nam	30/12/1997	Quảng Bình	D15PM02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,0	7,5	Khá
382	1521402170030	Phạm Thị Thơm	Nữ	3/8/1995	Hải Phòng	D15NV01	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 9,5	KN07: 8,5	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
383	1528501010178	Trần Thị Thơm	Nữ	16/3/1997	Vĩnh Phúc	D15QM04	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN06: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
384	1621402010205	Phan Thị Hoài Thu	Nữ	14/9/1997	Gia Lai	D16MN04	KN02: 6,5	KN06: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 8,5	KN10: 7,5	8,0	Giỏi
385	1522202010150	Phan Thị Thuận	Nữ	29/8/1997	Hà Tĩnh	D15AV04	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN08: 7,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
386	1623401010268	Vũ Thị Hòa Thuận	Nữ	30/6/1998	Gia Lai	D16QT05	KN02: 7,0	KN03: 9,0	KN05: 9,5	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
387	1625202010264	Phạm Minh Thuận	Nam	12/11/1998	Bình Dương	D16DT03	KN01: 8,0	KN02: 6,5	KN07: 10,0	KN08: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
388	1622202010226	Lưu Như Thùy	Nữ	14/6/1998	Bình Phước	D16AV04	KN02: 8,5	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc

g

389	1523401010080	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	8/8/1997	Bình Dương	D15QT02	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
390	1524801040125	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	4/11/1997	Bình Định	D15HT02	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
391	1525801050010	Đoàn Thị Thu Thủy	Nữ	11/1/1997	Đồng Nai	D15QD01	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
392	1621402020283	Ngô Thị Thanh Thủy	Nữ	11/6/1998	Bình Dương	D16TH04	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 6,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
393	1825106010047	Trần Như Thủy	Nữ	7/1/2000	Bình Dương	D18QC01	KN01: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 6,5	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
394	1623401010275	Trương Thị Thủy	Nữ	1/11/1998	Bình Phước	D16QT02	KN02: 8,5	KN05: 8,5	KN08: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
395	1522202010093	Lê Thị Thanh Thủy	Nữ	24/4/1997	Quảng Nam	D15AV03	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
396	1525106010099	Đỗ Thị Thanh Thủy	Nữ	20/12/1997	Bình Dương	D15QC02	KN01: 7,0	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 7,5	KN07: 10,0	8,5	Giỏi
397	1624403010061	Nguyễn Ngọc Thủy	Nữ	18/5/1998	Bình Dương	D16MT01	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 10,0	KN10: 6,0	7,5	Khá
398	1821402010060	Lê Thị Diễm Thủy	Nữ	5/1/2000	Bình Dương	D18MN01	KN01: 6,0	KN02: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
399	1823403010574	Bùi Thị Thu Thủy	Nữ	27/6/2000	Bình Dương	D18KT08	KN01: 8,5	KN05: 8,0	KN06: 8,0	KN07: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
400	1521401010010	Lê Thị Minh Thư	Nữ	17/8/1997	Tp. Hồ Chí Minh	D15GD01	KN01: 7,0	KN02: 7,5	KN06: 7,5	KN09: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
401	1621402010215	Thái Thủy Thanh Thư	Nữ	8/7/1998	Tp.Hcm	D16MN05	KN01: 8,0	KN02: 6,0	KN05: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
402	1623401010281	Trần Nguyễn Anh Thư	Nữ	14/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	D16QT02	KN02: 9,0	KN05: 10,0	KN06: 5,0	KN08: 9,5	KN10: 6,0	8,0	Giỏi
403	1623402010170	Trần Huỳnh Thanh Thư	Nữ	16/1/1998	Bình Dương	D16TC03	KN02: 8,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
404	1823403010099	Đặng Minh Thư	Nữ	21/1/2000		D18KT02	KN01: 8,5	KN02: 7,0	KN08: 7,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
405	1523801010168	Dương Văn Thừa	Nam	20/11/1996	Ninh Thuận	D15LU04	KN01: 7,0	KN02: 9,0	KN05: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
406	1523801010278	Vũ Phạm Hoài Thương	Nữ	17/10/1996	Lâm Đồng	D15LU05	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN07: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
407	1825106010104	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	3/10/2000	Bình Dương	D18QC02	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 6,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
408	1623401010286	Nguyễn Lý Phương Trà	Nữ	19/5/1997	Bình Dương	D16QT02	KN02: 6,5	KN04: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
409	1828501030032	Nguyễn Lê Phương Trà	Nữ	22/8/2000	Bình Dương	D18DD01	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN08: 7,5	8,5	Giỏi
410	1521401010060	Lại Thị Trang	Nữ	25/2/1997	Quảng Nam	D15GD02	KN01: 7,0	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
411	1521401010103	Nguyễn Thị Trang	Nữ	9/6/1997	Thanh Hóa	D15GD02	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN03: 10,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	9,0	Xuất sắc
412	1521402180026	Đinh Thùy Trang	Nữ	23/5/1997	Bình Dương	D15LS01	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN07: 7,0	KN08: 8,5	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
413	1521402180086	Nguyễn Thị Trang	Nữ	18/12/1997	Đắk Lắk	D15LS03	KN01: 9,0	KN02: 7,0	KN05: 9,0	KN06: 7,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
414	1523401010211	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	30/1/1997	Bình Dương	D15QT05	KN01: 7,5	KN02: 8,0	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,0	Giỏi
415	1523403010162	Nguyễn Thị Trang	Nữ	15/9/1997	Thái Nguyên	D15KT03	KN01: 8,5	KN02: 7,5	KN08: 9,5	KN09: 8,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
416	1621402020305	Huỳnh Thị Lệ Trang	Nữ	24/8/1998	Bình Dương	D16TH05	KN02: 9,5	KN07: 10,0	KN08: 7,0	KN09: 10,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
417	1623801010462	Hà Thị Thùy Trang	Nữ	9/12/1997	Bình Phước	D16LU03	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN06: 10,0	KN08: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
418	1624401120144	Chu Thị Trang	Nữ	19/11/1998	Đồng Nai	D16HH03	KN02: 6,0	KN05: 7,0	KN06: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 8,5	8,0	Giỏi
419	1822202040025	Nguyễn Thị Trang	Nữ	12/12/2000		D18TQ01	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN06: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 7,5	8,0	Giỏi
420	1824401120054	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	16/9/2000	Ninh Thuận	D18HH01	KN01: 8,0	KN06: 8,5	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
421	1828501010124	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	29/4/2000	Bình Dương	D18QM02	KN01: 9,5	KN02: 9,0	KN06: 8,0	KN07: 10,0	KN08: 8,0	9,0	Xuất sắc
422	1828501030089	Lê Huỳnh Trang	Nữ	21/8/1999	Tây Ninh	D18DD01	KN01: 9,5	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 9,5	9,0	Xuất sắc

423	1521402170018	Võ Thị Kiều Trâm	Nữ	10/10/1997	Tây Ninh	D15NV01	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
424	1521402170031	Vũ Ngọc Thùy Trâm	Nữ	22/10/1997	Bình Dương	D15NV01	KN01: 9,0	KN02: 6,5	KN08: 9,0	KN09: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
425	1523801010186	Phạm Ngọc Đồng Trâm	Nữ	7/6/1997	Tp. Hcm	D15LU04	KN01: 6,5	KN02: 6,0	KN03: 9,0	KN06: 8,0	KN10: 8,0	7,5	Khá
426	1524403010125	Trần Thị Thùy Trâm	Nữ	11/5/1997	Đồng Nai	D15MT03	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN03: 7,5	KN08: 9,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
427	1527601010064	Nguyễn Hồng Trâm	Nữ	3/3/1997	Bình Dương	D15XH02	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 7,5	KN10: 9,0	8,5	Giỏi
428	1625106010145	Nguyễn Thị Trâm	Nữ	9/1/1998	Thanh Hóa	D16QC03	KN02: 9,0	KN06: 8,5	KN08: 8,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
429	1821402020024	Vương Bích Trâm	Nữ	2/3/2000	Bình Dương	D18TH01	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN05: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 10,0	8,5	Giỏi
430	1821402020055	Dương Ngọc Trâm	Nữ	7/8/2000	Bình Dương	D18TH01	KN01: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 9,5	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
431	1822202010270	Đinh Thị Minh Trâm	Nữ	12/11/2000	Quảng Trị	D18AV05	KN01: 9,0	KN05: 8,5	KN06: 6,0	KN07: 8,0	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
432	1822202040301	Lưu Huyền Trâm	Nữ	8/6/1999	Kiên Giang	D18TQ05	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
433	1622202010265	Nguyễn Hoàng Trí	Nam	14/6/1997	Bình Dương	D16AV05	KN02: 8,0	KN05: 9,5	KN07: 9,0	KN08: 9,0	KN10: 7,0	8,5	Giỏi
434	1828501030057	Nguyễn Quốc Triệu	Nam	12/7/2000	Bình Dương	D18DD01	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 8,0	8,0	Giỏi
435	1521402170059	Nguyễn Thị Việt Trinh	Nữ	28/4/1997	Trà Vinh	D15NV02	KN01: 7,5	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN06: 9,0	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
436	1523801010300	Nguyễn Minh Phương Trinh	Nữ	30/4/1997	Đồng Tháp	D15LU05	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN04: 7,5	KN06: 9,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
437	1621402010240	Lê Thị Tú Trinh	Nữ	2/2/1998	Tây Ninh	D16MN05	KN02: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 10,0	KN10: 8,5	9,0	Xuất sắc
438	1621402020322	Lê Thị Trinh	Nữ	18/1/1998	Gia Lai	D16TH05	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 8,0	KN07: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
439	1621402020323	Lê Thị Út Trinh	Nữ	17/7/1997	Gia Lai	D16TH05	KN02: 7,0	KN07: 9,5	KN08: 8,0	KN09: 8,5	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
440	1621402020325	Nguyễn Thị Thu Trinh	Nữ	28/3/1998	Quảng Nam	D16TH05	KN02: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
441	1825106010053	Đặng Thị Mỹ Trinh	Nữ	15/10/2000		D18QC01	KN01: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 6,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
442	1828501030034	Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Nữ	19/11/2000	Bình Dương	D18DD01	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN06: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	7,5	Khá
443	1823102050401	Nguyễn Hồng Hoàng Trọng	Nam	30/1/2000	Bình Dương	D18QN04	KN01: 9,0	KN07: 10,0	KN08: 9,5	KN09: 7,5	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
444	1828501030005	Phạm Đức Trọng	Nam	24/12/1999	Bình Dương	D18DD01	KN01: 9,5	KN02: 7,0	KN06: 8,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
445	1528501010120	Nguyễn Thị Trúc	Nữ	17/12/1997	Bình Dương	D15QM03	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN06: 8,0	KN08: 7,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
446	1624601010106	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Nữ	27/4/1998	Tp. Hồ Chí Minh	D16TO02	KN02: 8,0	KN05: 9,5	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 9,5	9,0	Xuất sắc
447	1825106010077	Ao Thanh Trúc	Nữ	9/12/2000	Đồng Nai	D18QC02	KN01: 7,5	KN06: 7,5	KN07: 10,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
448	1623401010307	Nguyễn Thành Trung	Nam	16/6/1998	Daklak	D16QT03	KN02: 8,0	KN03: 8,5	KN05: 7,5	KN08: 6,0	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
449	1624401020052	Nguyễn Tấn Trường	Nam	5/8/1997	Quảng Ngãi	D16VL01	KN02: 8,0	KN05: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
450	1821402020001	Bùi Xuân Trường	Nam	12/1/2000	Bến Tre	D18TH01	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 9,5	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
451	1823403010010	Nguyễn Thị Phương Uyên	Nữ	11/12/2000	Hà Nam	D18KT01	KN01: 8,0	KN02: 9,0	KN07: 9,0	KN08: 8,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
452	1823801010391	Trần Lê Quỳnh Uyên	Nữ	6/12/2000	Bình Dương	D18LU06	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN05: 8,0	KN08: 10,0	KN09: 8,0	8,0	Giỏi
453	1523801010201	Nguyễn Thị Thu Vân	Nữ	14/3/1997	Bình Dương	D15LU04	KN01: 7,5	KN02: 7,5	KN03: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 8,5	8,0	Giỏi
454	1524403010013	Trần Hồng Vân	Nữ	4/2/1997	Bình Dương	D15MT01	KN01: 8,0	KN02: 8,5	KN03: 8,0	KN05: 7,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
455	1524801040115	Hoàng Hải Vân	Nam	15/5/1997	Bình Dương	D15HT02	KN01: 8,0	KN02: 7,0	KN06: 7,0	KN07: 8,0	KN08: 8,5	7,5	Khá
456	1621402020339	Lê Thị Thanh Vân	Nữ	10/7/1998	Bình Dương	D16TH05	KN02: 7,5	KN06: 9,0	KN08: 7,0	KN09: 9,5	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
457	1823401010073	Lê Thị Bích Vân	Nữ	6/4/2000	Phú Yên	D18QT02	KN01: 10,0	KN06: 7,0	KN07: 9,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc

458	1823801010194	Nguyễn Thị Vân	Nữ	23/8/2000		D18LU02	KN01: 7,5	KN06: 8,0	KN07: 8,0	KN08: 10,0	KN10: 9,5	8,5	Giỏi
459	1825106010055	Võ Thị Hồng Vân	Nữ	26/4/2000		D18QC01	KN01: 8,0	KN05: 8,0	KN06: 6,0	KN08: 10,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
460	1621402010256	Nguyễn Phương Thảo Vi	Nữ	1/4/1997	Bình Dương	D16MN05	KN01: 8,5	KN02: 6,0	KN05: 8,0	KN08: 6,0	KN10: 10,0	7,5	Khá
461	1623401010317	Tô Thị Phương Vi	Nữ	23/6/1998	Bình Dương	D16QT04	KN02: 7,5	KN05: 6,5	KN06: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 10,0	8,0	Giỏi
462	1624403010067	Trần Thúy Vi	Nữ	22/7/1998	Quảng Ngãi	D16MT01	KN02: 8,5	KN05: 6,5	KN07: 8,5	KN08: 8,5	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
463	1821402010039	Nguyễn Thị Thảo Vi	Nữ	29/6/2000	Tây Ninh	D18MN01	KN01: 6,0	KN02: 8,5	KN05: 9,5	KN07: 8,0	KN08: 9,5	8,5	Giỏi
464	1521402180096	Nguyễn Thị Viên	Nữ	29/10/1997	Quảng Ngãi	D15LS03	KN01: 9,5	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN05: 9,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
465	1524403010055	Bùi Quang Vinh	Nam	11/2/1997	Bình Dương	D15MT02	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN08: 8,0	KN09: 9,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
466	1621402020346	Hồ Thị Vinh	Nữ	18/6/1998	Hà Tĩnh	D16TH05	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
467	1823403010086	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	14/11/2000		D18KT02	KN01: 8,0	KN02: 7,5	KN07: 10,0	KN08: 10,0	KN10: 9,0	9,0	Xuất sắc
468	1521402010190	Nguyễn Yến Vy	Nữ	1/1/1997	Đắk Nông	D15MN04	KN01: 7,0	KN02: 8,5	KN05: 7,5	KN06: 9,0	KN09: 7,5	8,0	Giỏi
469	1622202010286	Trần Thị Thảo Vy	Nữ	25/10/1998	Bình Dương	D16AV05	KN02: 8,0	KN06: 7,0	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 7,0	7,5	Khá
470	1521402170136	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	7/11/1997	Hưng Yên	D15NV04	KN01: 8,5	KN02: 9,5	KN05: 6,0	KN08: 10,0	KN09: 9,0	8,5	Giỏi
471	1621402020354	Trần Thị Xuân	Nữ	22/6/1996	Hà Tĩnh	D16TH05	KN02: 9,5	KN03: 9,0	KN08: 7,5	KN09: 9,5	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
472	1628501010125	Bùi Thị Ngọc Xuân	Nữ	8/7/1998	Bình Dương	D16QM02	KN02: 8,0	KN06: 8,5	KN08: 10,0	KN09: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
473	1623403010300	Phạm Thị Mỹ Xuyên	Nữ	30/12/1998	An Giang	D16KT01	KN02: 7,0	KN05: 8,0	KN08: 7,5	KN09: 8,5	KN10: 8,0	8,0	Giỏi
474	1523801010239	Phan Thị Hồng Xuyên	Nữ	4/12/1997	Kiên Giang	D15LU05	KN01: 7,5	KN02: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN09: 8,5	8,5	Giỏi
475	1521402180079	Nguyễn Như Ý	Nữ	8/2/1997	Tp.Hcm	D15LS03	KN01: 6,5	KN02: 6,0	KN05: 8,5	KN09: 9,0	KN10: 9,0	8,0	Giỏi
476	1623403010301	Lê Thị Như Ý	Nữ	26/6/1998	Quảng Trị	D16KT01	KN02: 8,5	KN04: 8,5	KN06: 9,0	KN08: 8,0	KN10: 10,0	9,0	Xuất sắc
477	1521402170022	Nguyễn Thị Kim Yến	Nữ	31/12/1997	Bình Dương	D15NV01	KN01: 8,0	KN02: 8,0	KN05: 8,5	KN09: 8,0	KN10: 10,0	8,5	Giỏi
478	1523801010154	Trần Thị Hải Yến	Nữ	10/8/1997	Đắk Nông	D15LU03	KN01: 9,0	KN02: 8,5	KN05: 8,0	KN07: 9,0	KN10: 8,5	8,5	Giỏi
479	1523801010167	Hồ Thị Yến	Nữ	16/4/1996	Daklak	D15LU04	KN01: 7,5	KN02: 9,0	KN07: 6,0	KN08: 9,0	KN09: 9,5	8,0	Giỏi
480	1524401120096	Bùi Hải Yến	Nữ	25/3/1997	Bình Dương	D15HH03	KN01: 7,0	KN02: 8,0	KN03: 8,0	KN04: 7,5	KN06: 7,5	7,5	Khá
481	1821402020037	Đinh Thị Hải Yến	Nữ	11/9/2000		D18TH01	KN01: 9,0	KN02: 8,0	KN08: 7,0	KN09: 8,0	KN10: 8,0	8,0	Giỏi

Danh sách này có **481** sinh viên.

Bình Dương, ngày 24 tháng 8 năm 2019

TT ĐÀO TẠO KỸ NĂNG XÃ HỘI
THƯỜNG TRỰC

ThS. Nguyễn Viết An

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS-TS. Lê Tuấn Anh